TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/DS-PT
Ngày: 23-12-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Tuấn.

- Các Thẩm phán: Ông Doãn Đình Quyến; Bà Nguyễn Thị Nhung.

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2020/TLPT-DS ngày 04/11/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2020/QĐ-PT ngày 23/11/2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Viết D; Địa chỉ: Buôn J, xã T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Nguyễn Minh T; Địa chỉ: 187 đường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Công ty Cổ Phần K; Địa chỉ: Thôn 12, xã P, thành B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn L, chức vụ: Chủ tịch HĐQT (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H; Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Phường H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ Phần K là bị đơn trong vụ kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Nguyễn Minh T trình bày có nội dung như sau:

Vào năm 2016 Công ty Cổ phần K thiếu tiền đóng thuế, nên ông D có cho Công ty Cổ phần K vay tiền với hình thức chuyển khoản với số tiền là 700.500.000 đồng; cụ thể như sau: Ngày 29/4/2016 cho vay lần 1: 500.000 đồng, lần 2: 100.000.000 đồng; ngày 24/5/2016 vay 200.000.000 đồng; ngày 22/6/2016 vay 250.000.000 đồng; ngày 24/6/2016 vay 50.000.000 đồng; tháng 06/2016 vay 100.000.000 đồng, cam kết đến đầu năm 2018 sẽ trả hết số nợ trên, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ nguyên đơn ông D đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần K trả số nợ trên nhưng nguyên đơn khất lần không trả. Nay nguyên đơn ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay là 700.500.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu nào thêm.

- Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày có nội dung như sau:

Đối với việc nguyên đơn khởi kiện thì hiện tại chưa có giấy tờ chứng cứ chứng minh là bị đơn vay, trong hồ sơ sổ sách báo cáo tài chính của bị đơn không thể hiện số nợ này nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Người quản lý điều hành và đại diện của bị đơn vào năm 2016 là bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N. Về tài khoản của bị đơn tài khoản thứ nhất mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Đắk Lắk số tài khoản là 63110000328376; tài khoản thứ hai mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố B số tài khoản 5201201003730. Mặt khác, tại các cam kết thỏa thuận thực hiện đã nộp cho Tòa án đều có xác nhận nội dung là các khoản vay cá nhân và vay ngoài cho bị đơn thì bà N có trách nhiệm thanh toán và việc bị đơn vay nguyên đơn số tiền 700.500.000 đồng thì khoản nợ này đã trả xong năm 2016, việc bà N vay tiền nguyên đơn không có văn bản thỏa thuận, không có sự nhất trí của cổ đông Công ty nên trách nhiệm trả nợ là của bà N chứ không phải của bị đơn vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N trình bày có nội dung như sau:

Bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N là người thành lập Công ty Cổ phần K từ năm 2008, đến năm 2011 bà N trở thành người điều hành và là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần K, vào năm 2016, Công ty Cổ phần K có vay số tiền 700.500.000 đồng của nguyên đơn ông D và yêu cầu nguyên đơn ông D chuyển thẳng số tiền này vào tài khoản đăng ký với Chi cục thuế thành phố B của Công ty Cổ phần K, số tiền vay của nguyên đơn để trả tiền nợ thuế cho nhà nước. Tại thời điểm bà N là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần K thì Công ty có 02 tài khoản, tài khoản thứ nhất mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk với số tài khoản là 63110000328376 để giao dịch đóng thuế, tại khoản này đã đăng ký với Chi cục thuế thành phố B. Tài khoản thứ hai mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố B số tài

khoản 5201201003730 tài khoản này để giao dịch với khách hàng. Số tiền mà bị đơn vay của nguyên đơn được chuyển vào tài khoản cụ thể như sau: 600.500.000 đồng được chuyển thẳng vào tài khoản số 63110000328376 và 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 5201201003730. Như vậy, nay trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ trên là của Công ty Cổ phần K. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết D.

Buộc bị đơn Công ty Cổ phần K có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Viết D tổng số tiền gốc và lãi là 739.027.500 đồng, trong đó nợ gốc 700.500.000 đồng, lãi 38.527.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần K phải chịu 33.561.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Viết D 16.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Hồng P đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0007677 ngày 21/4/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020, bị đơn Công ty cổ phần K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần K là không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn

Công ty cổ phần K - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần K trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là hợp pháp nên được chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Vào năm 2016 Công ty Cổ phần K thiếu tiền đóng thuế nên có vay ông D số tiền là 700.500.000 đồng, hình thức giao nhận tiền là chuyển khoản; cụ thể các lần vay như sau: Trong ngày 29/4/2016 ông D chuyển vào tài khoản của công ty lần 1 số tiền: 500.000 đồng; lần 2 chuyển vào tài khoản của công ty số tiền: 100.000.000 đồng; ngày 24/5/2016 vay 200.000.000 đồng; ngày 22/6/2016 vay 250.000.000 đồng; ngày 24/6/2016 vay 50.000.000 đồng; tháng 06/2016 vay 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận đến đầu năm 2018 Công ty sẽ trả hết số nợ trên. Hai tài khoản ngân hàng mà ông D chuyển tiền cho công ty mượn gồm: Tài khoản thứ nhất mở tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đắk Lắk với số tài khoản là 63110000328376 để giao dịch đóng thuế, tại khoản này đã đăng ký với Chi cục thuế thành phố B. Tài khoản thứ hai mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thành phố B với số tài khoản 5201201003730 tài khoản này để giao dịch với khách hàng. Do đó, có thể xác định vào năm 2016 ông Nguyễn Viết D có chuyển vào tài khoản của Công ty cổ phần K tổng số tiền là 700.500.000 đồng và người đại diện cho Công ty để vay của ông Nguyễn Viết D là bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N là Tổng Giám đốc của Công ty thời điểm đó.

[2.1]. Xét kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần K thì thấy: Việc chuyển tiền của ông D vào tài khoản của Công ty là có thật. Tuy nhiên, việc chuyển tiền vào tài khoản của Công ty vào năm 2016 thời điểm bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N là Tổng Giám đốc công ty. Việc vay tiền này không được xác lập bằng hợp đồng vay tiền, trong báo cáo tài chính của Công ty cổ phần K cuối năm 2016 cũng không thể hiện khoản nợ của Công ty với ông D. Ngoài ra, theo các "Giấy nộp tiền" của ông D tại Ngân hàng không thể hiện nội dung nộp tiền là gì. Do đó, không thể xác định việc chuyển tiền như đã nêu trên của ông Nguyễn Viết D vào tài khoản của Công ty cổ phần K là cho Công ty cổ phần K mượn tiền hay trả nợ cho Công ty.

Ngoài ra, tại biên bản họp Đại hội cổ đông công ty K số 03-19/HCĐ ngày 22/01/2018 (BL 250) thời điểm bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty thể hiện các khoản nợ của Công ty K còn nợ và phải trả gồm khoản nợ của Công ty M, Công ty T, Công ty H ngoài ra các khoản nợ khác không liên quan đến Công ty K. Không thể hiện khoản nợ của ông Nguyễn Viết D.

Tại các Biên bản cam kết thỏa thuận thực hiện ngày 11/11/2016 và ngày 30/9/2017 của Công ty cổ phần K (BL số 265 đến BL 272) thể hiện: *"Các khoản nợ cá nhân và các khoản vay của Công ty cổ phần K từ ngày 11/11/2016 trở về trước sẽ*

do bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N là người có trách nhiệm và nghĩa vụ trả các khoản vay mượn này".

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh giữa ông D với Công ty K có việc vay mượn tiền với nhau mà cho rằng do ông D với bà N có mối quan hệ gia đình "Mẹ vợ với con rể" nên khi vay mượn không lập hợp đồng mà chỉ nói miệng với nhau. Tuy nhiên, việc này không được đại diện của Công ty cổ phần K chấp nhận.

Như vậy, có thể xác định được giữa Công ty cổ phần K với ông Nguyễn Viết D không có việc vay mượn tiền với nhau. Nếu giữa ông Nguyễn Viết D với cá nhân bà Công Huyền Tôn Nữ Kim N có việc vay mượn tiền với nhau thì ông D có quyền khởi kiện thành một vụ kiện dân sự khác để bảo vệ quyền và lợi ích cho ông D.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần K – Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận đơn khởi kiện nên ông Nguyễn Viết D phải chịu {20.000.000đ + [4% x (739.027.500 đồng – 400.000.000 đồng)]} = 33.561.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền 16.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Hồng P đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0007677 ngày 21/4/2020. Ông Nguyễn Viết D phải tiếp tục nộp 17.551.100 đồng.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bị đơn Công ty cổ phần K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Công ty cổ phần K được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013073 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần K.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 96/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1]. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết D về việc yêu cầu Công ty cổ phần K phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Viết D số tiền là 739.027.500 đồng (trong đó nợ gốc 700.500.000 đồng, lãi 38.527.500 đồng).

[2]. Về án phí:

[2.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Viết D phải chịu 33.561.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền 16.010.000 đồng tiền tạm ứng án phí do bà Nguyễn Thị Hồng P đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0007677 ngày 21/4/2020. Ông Nguyễn Viết D phải tiếp tục nộp 17.551.100 đồng.

[2.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bị đơn Công ty cổ phần K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần K số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013073 ngày 07/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp.Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- . . . . . .;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn